

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 92/2025/HSST
Ngày 08/4/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Bạc Thị Liên

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Cao Thị Hồng Minh
2. Bà Hoàng Thị Thái

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Minh Thắng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đ.

- Đại diện VKSND Thành Phố Đ, tỉnh Đ tham gia phiên toà: bà Thiều Thị Thùy D - Kiểm sát viên.

Ngày 08/04/2025 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành Phố Đ, tỉnh Đ xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 90/2025/HSST ngày 27/02/2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2025/QĐXX-HS ngày 27/02/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lò Thị R. Tên gọi khác: Không có tên gọi khác

Sinh năm 1967. Tại tỉnh Đ

Quê quán: bản V, xã P, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên

Nơi ĐKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Không xác định, Công an xã Pá K đã xóa đăng ký thường trú năm 2018. Dân tộc: Khơ Mú; Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: Không biết chữ; Con ông: Lò Văn H đã chết; con bà: Lò Thị H (đã chết); gia đình bị cáo có 02 anh em ruột, bị cáo là con thứ nhất; Chung sống như vợ chồng với Lò Văn S tại bản V, xã Pá K, thành phố Đ từ năm 1982 đến năm 1986 có 01 con sinh năm 1983. Từ năm 1997 đến năm 2012 chung sống như vợ chồng với Lò Văn T trú tại bản V, xã Pá K, thành phố Đ; có 01 con sinh năm 2000; Tiền án: Không; Tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 20/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 02 năm tù về tội: Mua bán trái phép chất ma túy, ngày 14/5/2020 chấp hành xong bản án; Bản án này đến nay đã xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam trong vụ án này ngày 22/12/2024, bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người phiên dịch cho bị cáo Lò Thị R: ông Quảng Văn H, sinh năm 1976, trú tại bản T, xã T, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 22/12/2024, Lò Thị R đi từ khu vực lán nương thuộc bản L, xã M, thành phố Đ, tỉnh Đ đến bản L2, xã M để tìm mua ma túy thì gặp và mua của 01 người phụ nữ không quen biết được 05 viên Methamphetamine có khối lượng 0,51 gam được gói ngoài bằng mảnh giấy nilon màu trắng với giá 100.000đ. Sau đó Rau cầm gói Methamphetamine trong lòng bàn tay trái rồi đi tìm chỗ sử dụng. Hồi 17 giờ 15 phút cùng ngày tại đường bản L 2, xã M, thành phố Đ, Lò Thị R bị Công an xã T phối hợp với Công an xã M phát hiện bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng ngày 22/12/2024 đã xác định: 05 viên nén màu hồng nghi ma túy tổng hợp thu giữ khi bắt quả tang của Lò Thị Rau có khối lượng là 0,51 gam (ký hiệu M) gửi toàn bộ giám định.

Tại bản kết luận giám định số 1890/KL-KTHS ngày 28/12/2024 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: Vật chứng ký hiệu M có khối lượng 0,51 các viên nén màu hồng là chất ma túy: Loại Methamphetamine. Hoàn lại đối tượng giám định 0,39gam.

Tại bản cáo trạng số 34/CT-VKSTPĐBP ngày 26/02/2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo Lò Thị R về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thành phố Đ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lò Thị R về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 249/BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38/BLHS.

Xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 21 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Áp dụng Điểm a, c Khoản 1 Điều 47/BLHS năm 2015; Điểm a, c Khoản 2 Điều 106/BLTTHS năm 2015 về xử lý vật chứng.

Căn cứ Khoản 2 Điều 136/ BLTTHS năm 2015 và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí lệ phí Tòa án. Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo cũng hoàn toàn nhất trí với quan điểm truy tố và luận tội của VKSND thành phố Đ không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng của bị cáo: Ngoài xin giảm nhẹ hình phạt không có ý kiến gì khác.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hồi 17 giờ 15 phút ngày 22/12/2024 tại đường dân sinh thuộc bản L 2, xã M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, Lò Thị R đã có hành vi cất giấu trái phép trên người 0,51 gam Methamphetamine trên người mục đích để sử dụng cho bản thân. Nguồn gốc số ma túy có được là do mua của một người phụ nữ không biết tên tại khu vực bản L 2, xã M, thành phố Điện Biên P với giá 100.000đ, sau khi được mua ma túy Rau chưa kịp sử dụng thì bị bắt quả tang.

Hành vi tàng trữ 0,51 gam Methamphetamine trên người mục đích để sử dụng của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249/BLHS năm 2015. Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản mở niêm phong xác định khối lượng; Kết luận giám định; Kết luận điều tra, các bản cung có trong hồ sơ vụ án cũng như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo.

Cáo trạng của VKSND thành phố Đ đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình đã gây ra.

[2]. Xét tính chất mức độ phạm tội của bị cáo thì hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là hành vi nguy hiểm cho xã hội, tội phạm mà bị cáo thực hiện thuộc trường hợp nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy, nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Song vì nhu cầu của bản thân bị cáo đã bất chấp và cố tình vi phạm. Nên cần phải xử lý bị cáo nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

[3]. Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lò Thị R HĐXX thấy rằng: Sinh ra và lớn lên tại bản V, xã M, thành phố Đ, tỉnh Đ bản thân không được đi học. Ngày 20/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 02 năm tù về tội: Mua bán trái phép chất ma túy, ngày 14/5/2020 chấp hành xong bản án; Bản án này đến nay đã xóa án tích. Mặc dù đã xóa án tích nhưng điều này cho thấy bị cáo có nhân thân xấu. Tuy nhiên trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS.

Xét thấy bị cáo là đối tượng nghiện ma túy cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để bị cáo tiếp tục cai nghiện cải sửa lỗi lầm trở thành người công dân tốt cho gia đình và xã hội. Xét đề nghị của VKS là phù hợp HĐXX chấp nhận.

[4]. Ngoài hình phạt chính là phạt tù thì bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 249/BLHS là phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 500 triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Xét kinh tế bị cáo khó khăn, bản thân lang thang không xác định nơi cư trú lại nghiện chất ma túy. Nên không có điều kiện để thi hành. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với người phụ nữ bị cáo đã gặp tại khu vực bản L, xã M, thành phố Đ, đã bán ma túy cho bị cáo, do không đủ căn cứ nên cơ quan điều tra không xác minh làm rõ được. HĐXX không xem xét.

[5]. Về hành vi và các Quyết định của cơ quan người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, Điều tra viên, kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì do đó các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng là hợp pháp được chấp nhận.

[6]. Vật chứng của vụ án cần áp dụng Điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS; Điểm a, c Khoản 2 Điều 106/BLTTHS về xử lý vật chứng.

Tịch thu tiêu huỷ: 0,39 gam Methamphetamine được hoàn lại sau giám định; 01 mảnh nilon màu trắng;

[7]. Về án phí: Bị cáo là dân tộc sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn, thuộc diện miễn án phí. Tại phiên tòa có nguyện vọng được miễn án phí. Xét bản thân bị cáo sống lang thang không có nhà ở không có nghề nghiệp thu nhập, căn cứ điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí lệ phí Tòa án. Bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38/BLHS; Điều 331, Điều 333/BLTTHS;

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Thị R phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”
2. Xử phạt bị cáo Lò Thị R **01 (một)** năm **06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 22/12/2024)
3. Vật chứng: Căn cứ: Điểm a, c Khoản 1 Điều 47/BLHS; Điểm a, c Khoản 2 Điều 106/BLTTHS.

Tịch thu tiêu huỷ: 0,39 gam gam Methamphetamine được hoàn lại sau giám định; 01 mảnh nilon màu trắng.

(Vật chứng của vụ án đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên phủ vào ngày 27/02/2025 đặc điểm vật chứng mô tả theo biên bản giao nhận).

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136/BLTTHS năm 2015 và Điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí lệ phí Tòa án bị cáo Lò Thị R được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08/4/2025)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;.
- VKSND tỉnh ĐB
- VKSND TPĐ
- Cơ quan CSĐTCA Tỉnh B
- Phòng HNVCA Tỉnh B;
- Phân trại tạm giam khu vực TPĐBP;
- Phòng c sát THAHS và HTTP C tỉnh Đ
- Sở TP tỉnh Đ;
- CCTHA Dân Sự TP Đ;
- HSTHA hình sự;
- Bị cáo;
- Lưu./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bạc Thị Liên